

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA LIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		55.459.449.737	32.987.842.751
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	2.642.445.569	12.681.564.324
1. Tiền		111		2.642.445.569	12.681.564.324
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		25.566.921.848	10.494.983.003
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	24.145.421.845	5.497.574.953
2. Trả trước cho người bán		132	V.2	1.421.500.003	4.945.408.050
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.2	-	52.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		9.171.277.427	4.817.716.069
1. Hàng tồn kho		141	V.3	9.171.277.427	4.817.716.069
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		18.078.804.893	4.993.579.355
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	839.022.271
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		1.959.441.259	129.131.997
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.4	16.119.363.634	4.025.425.087
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		306.070.475.368	22.050.907.254
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		60.001.241.869	9.774.037.711
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.5	12.533.654.922	4.828.629.660
Nguyên giá		222		13.853.812.645	5.149.374.463

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.320.157.723)	(320.744.803)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	47.467.586.947	4.945.408.051
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		235.590.000.000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	235.590.000.000	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		10.479.233.499	12.276.869.543
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	230.908.499	1.678.044.543
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.9	10.248.325.000	10.598.825.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		361.529.925.105	55.038.750.005

NGUỒN VỐN

NGUỒN VỐN			Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		72.989.494.911	2.466.345.027
I. Nợ ngắn hạn	310		72.989.494.911	2.466.345.027
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.10	6.716.439.108	1.608.876.701
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	66.042.971.998	857.468.326
5. Phải trả người lao động	315		103.894.050	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	3.269.506	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		122.920.249	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	288.540.430.194	52.572.404.978
I.	Vốn chủ sở hữu	410	288.540.430.194	52.572.404.978
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.12 268.000.000.000	50.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.12 257.240.498	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.12 128.620.249	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.12 20.154.569.447	2.572.404.978
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	431	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	361.529.925.105	55.038.750.005

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng**Tổng Giám đốc****Ngô Văn Hiến****Trần Văn Tặng**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.754.939.800	8.615.266.890	151.906.522.675	19.977.465.261
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.754.939.800	8.615.266.890	151.906.522.675	19.977.465.261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	67.854.606.928	6.778.787.589	120.966.455.728	15.981.972.209
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.900.332.872	1.836.479.301	30.940.066.947	3.995.493.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	754.195.000	3.537.611	786.436.561	9.726.643
7. Chi phí tài chính	22		-	-		-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-		-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	1.391.176.552	164.928.886	3.286.326.873	847.105.120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.263.351.320	1.675.088.026	28.440.176.635	3.158.114.575
11. Thu nhập khác	31		-	1.025.250.350	235.689.583.337	1.025.250.350
12. Chi phí khác	32		149.352	910.667.012	899.352	910.667.012
13. Lợi nhuận khác	40		(149.352)	114.583.338	235.688.683.985	114.583.338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.263.201.968	1.789.671.364	264.128.860.620	3.272.697.913

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.315.800.492	313.192.489	66.032.215.155	818.174.478
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<u>9.947.401.476</u>	<u>1.476.478.875</u>	<u>198.096.645.465</u>	<u>2.454.523.435</u>

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Văn Hiến

Trần Văn Tặng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		264.128.860.620	3.272.697.913
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		999.412.920	176.766.735
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		265.128.273.540	3.449.464.648
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(264.977.747.401)	(12.627.268.012)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.353.561.358)	(4.786.307.482)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.981.445.041	794.252.863
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.286.158.315	(2.000.826.005)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(613.430.561)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		736.360.747	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(3.560.874.776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.187.498.323	(18.731.558.764)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(51.226.617.078)	(3.945.408.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.226.617.078)	(3.945.408.050)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		38.000.000.000	35.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.000.000.000	35.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.039.118.755)	12.323.033.186
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.681.564.324	358.531.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.642.445.569	12.681.564.324

Kế toán trưởngLập ngày 31 tháng 12 năm 2010
Tổng Giám đốc

Ngô Văn Hiến

Trần Văn Tặng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác, thương mại, xây dựng, dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh chính** : Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, buôn bán các loại khoáng sản và luyện kim;
Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;
Lập dự án đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim;
Xây dựng Công trình giao thông;
Dịch vụ vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
Xây dựng công trình công ích;
Xây dựng nhà các loại;

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 6 tháng đến 12 tháng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	6 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, Công ty con, Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	2.471.507.790	12.681.564.324
Tiền gửi ngân hàng	170.937.779	-
Cộng	2.642.445.569	12.681.564.324

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico	21.534.929.345	-
Công ty cổ phần Luyện Kim Đông Á	2.610.492.500	-
Đối tượng khác	-	5.497.574.953
Cộng	24.145.421.845	5.497.574.953

3. Trả trước người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty tư vấn xây dựng DKSH	600.000.000	-
Văn phòng đăng ký đất Yên Bái	180.000.000	-
Đối tượng khác	641.500.003	4.945.408.050
Cộng	1.421.500.003	4.945.408.050

4. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	144.574.133	-
Công cụ, dụng cụ	17.681.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.699.654.750	-
Hàng hóa	1.309.366.726	4.817.716.069
Cộng	9.171.277.427	4.817.716.069

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm	839.022.271
Tăng trong năm	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(839.022.271)
Kết chuyển giảm khác	-
Số cuối năm	-

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng cho các đội thi công	16.119.363.634	4.025.425.087

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	36.546.500	4.112.827.963	1.000.000.000	-	5.149.374.463
Tăng trong năm					-
- Mua sắm mới	-	-	8.690.758.182	13.680.000	8.704.438.182
- Điều chỉnh phân loại	-	-	1.881.408.050	10.181.818	1.891.589.868
Giảm trong năm					-
- Điều chỉnh phân loại	-	(891.589.868)	(1.000.000.000)	-	(1.891.589.868)
Số cuối năm	36.546.500	3.221.238.095	10.572.166.232	23.861.818	13.853.812.645
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.537.950	203.623.516	114.583.337	-	320.744.803
Tăng trong năm					-
- Khấu hao trong năm	13.741.094	147.434.473	827.814.868	240.667	989.231.102
- Điều chỉnh phân loại	-	-	-	10.181.818	10.181.818
Giảm trong năm					-
- Điều chỉnh phân loại	-	-	-	-	-
Số cuối năm	16.279.044	351.057.989	942.398.205	10.422.485	1.320.157.723
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	34.008.550	3.909.204.447	885.416.663	-	4.828.629.660
Số cuối năm	20.267.456	2.870.180.106	9.629.768.027	13.439.333	12.533.654.922

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công trình nhà máy chế biến đồng, vàng Sơn La	24.479.574.000	4.945.408.051
Các công trình mỏ tại Lai Châu	22.988.012.947	-
	47.467.586.947	4.945.408.051

9. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần An Hồng Phương (*)	235.590.000.000	-

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc góp vốn vào Công ty Cổ phần An Hồng Phương bằng quyền khai thác các mỏ Quặng sắt Cận Công, 409 tại Yên Bái và mỏ Antimon Hòa Bình; Mỏ Vàng Pắc Ta Lai Châu, có tổng giá trị là 235.590.000.000 đồng. Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc tại Công ty Cổ phần An Hồng Phương là 49%.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	230.908.499	1.678.044.543

11. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ ký cược dài hạn	10.248.325.000	10.598.825.000

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Luyện kim Đông Bắc	981.484.113	-
Tổng công ty cổ phần tập đoàn tre gỗ Việt Nam	5.054.728.680	-
Đối tượng khác	680.226.315	1.608.876.701
Cộng	6.716.439.108	1.608.876.701

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.032.215.154	857.468.326
Thuế thu nhập cá nhân	10.756.844	-
Cộng	66.042.971.998	857.468.326

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	50.000.000.000	-	-	117.881.543	50.117.881.543
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	2.454.523.435	2.454.523.435
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	-	-	2.572.404.978	52.572.404.978
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	-	-	2.572.404.978	52.572.404.978
Cổ đông góp vốn	38.000.000.000	-	-	-	38.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	198.096.645.465	198.096.645.465
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	257.240.498	128.620.249	(514.480.996)	(128.620.249)
Chia cổ tức năm nay	180.000.000.000	-	-	(180.000.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	268.000.000.000	257.240.498	128.620.249	20.154.569.447	288.540.430.194

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Địa chỉ: 738 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	81.754.939.800	8.615.266.890

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	67.854.606.928	6.778.787.589

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Là lãi tiền gửi	754.195.000	3.537.611

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí nhân viên quản lý	214.154.589	61.215.236
Chi phí vật liệu quản lý	85.476.952	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.161.819	11.012.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.545.886	5.633.756
Chi phí bằng tiền khác	971.837.306	87.066.957
Cộng	<u>1.391.176.552</u>	<u>164.928.886</u>

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngô Văn Hiến

Trần Văn Tạng